TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 07 - 10 - 2019
V/v: Tranh chấp xin ly hôn; nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Vân.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trương Thế Lộc.
2. Bà Trần Thị An.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà: Bà Lâm Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp xin ly hôn; nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62b/2019/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Ngọc Bích T, sinh năm 1995.
Địa chỉ: khu phố M, phường P, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (có mặt).
2. Bị đơn: Anh Hồ Hoàng P, sinh năm 1990.
Địa chỉ: khu phố T, phường M, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (có mặt).
3. Người làm chứng:
- Bà Trịnh Thị N, sinh năm 1969.
Địa chỉ: khu phố M, phường P, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (có mặt).
- Bà Lương Thị Bích T, sinh năm 1964.
Địa chỉ: khu phố T, phường M, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/3/2019 và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Ngọc Bích T trình bày: Tôi và anh Hồ Hoàng P cưới nhau vào năm 2013; có đăng ký và được Ủy ban nhân dân phường P, thị xã P (nay là thành phố P), tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/10/2013. Thời gian đầu chung sống hòa thuận, hạnh phúc; sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, hay cự cải và có một lần bị anh P đánh; anh P không quan tâm đến vợ con, thường hay đi chơi bạn bè nhậu nhẹt. Mẹ ruột tôi có góp ý nhưng anh P không thay đổi và từ bỏ; vợ chồng xảy ra cự cải anh P bỏ nhà đi và đã sống ly thân tính đến nay khoảng 07 tháng. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn; tôi yêu cầu Tòa án xét cho tôi được ly hôn đối với anh Hồ Hoàng P.

Về con chung: Vợ chồng tôi có 02 con chung là Hồ Hoàng L, sinh ngày 08/7/2014, giới tính: nam và Hồ Hoàng K, sinh ngày 20/10/2017, giới tính: nam; hiện các con đang chung sống với tôi và do tôi trực tiếp nuôi dưỡng; kể từ khi vợ chồng ly thân đến nay anh P không trực tiếp đến nhà thăm nom và có nghĩa vụ phần nào cấp dưỡng nuôi các con. Khi được ly hôn tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung, vì hiện tại tôi mua bán mỹ phẩm qua mạng và phụ giúp mẹ ruột là bà N mua bán phụ tùng, sửa chữa xe máy thu nhập cho bản thân hàng tháng từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng; đảm bảo việc nuôi dưỡng và cho các con đi học. Khi 02 con khôn lớn các con muốn theo ở với cha là anh P là tôi hoàn toàn đồng ý, nhưng do hiện tại 02 con còn nhỏ và từ khi sinh ra đến nay các con đang chung sống với tôi, đều do tôi trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng chung sống không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/9/2019 và lời khai tại phiên tòa bị đơn anh Hồ Hoàng P trình bày: Tôi và Bích T có thời gian tìm hiểu thương yêu nhau trước sau đó cưới nhau vào năm 2013; có đăng ký và được Ủy ban nhân dân phường P cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/10/2013. Vợ chồng chung sống với nhau có hòa thuận và hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng là có nhưng không lớn; chủ yếu là do tôi bận nhiều công việc làm ăn; đôi khi bạn bè nhậu nhẹt ít quan tâm và giành nhiều thời gian đưa vợ con đi vui chơi; từ đó vợ tôi giận và không thể hòa giải hàn gắn lại được. Sau cuộc xảy ra cự cải tôi bỏ nhà ra đi và sống ly thân vợ tôi từ ngày 25/3/2019 âl cho tới nay. Việc vợ tôi xin ly hôn; tôi xét thấy còn thương vợ và không muốn xa các con, nên tôi không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của vợ tôi là Trần Ngọc Bích T.

Về con chung: Vợ chồng tôi có 02 con chung là Hồ Hoàng L, sinh ngày 08/7/2014, giới tính: nam và Hồ Hoàng K, sinh ngày 20/10/2017, giới tính: nam; hiện các con đang chung sống với vợ tôi và do vợ tôi trực tiếp nuôi dưỡng; kể từ khi vợ chồng ly thân đến nay tôi không trực tiếp đến nhà thăm nom và có nghĩa vụ

cấp dưỡng nuôi các con. Trường hợp vợ chồng phải ly hôn tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi con Hồ Hoàng L đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu Bích T cấp dưỡng nuôi con chung. Vì hiện tại tôi mua bán xe máy bên Campuchia mỗi chuyến đi từ 2 đến 3 ngày về một lần thu nhập cho bản thân từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng nhưng không ổn định, tạm đủ sống.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng chung sống không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, Nguyên đơn và bị đơn từ khi thụ lý đến khi xét xử là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên cho chị Trần Ngọc Bích T được ly hôn đối với anh Hồ Hoàng P. Về con chung giao cả 02 cháu Hồ Hoàng L, sinh ngày 08/7/2014, giới tính nam và Hồ Hoàng K, sinh ngày 20/10/2017, giới tính: nam cho chị Bích T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận việc chị Bích T không có yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung không có và không tranh chấp, nên không phải giải quyết trong cùng vụ án. Buộc chị Bích T chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Việc chị Trần Ngọc Bích T tranh chấp xin ly hôn đối với anh Hồ Hoàng P có nơi cư trú tại khu phố T, phường M, thành phố P, tỉnh Kiên Giang; nên được xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Việc Tòa án tiến hành các trình tự thủ tục tố tụng về thụ lý vụ án; xem xét xác minh thu thập tài liệu chứng cứ và thông báo để các bên đương sự tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải đều được kịp thời và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đảm bảo sự có mặt tham gia xét xử của đại diện Viện kiểm sát và trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm. Không xem xét yêu cầu phản tố do bị đơn không có yêu cầu.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Ngọc Bích T và anh Hồ Hoàng P tự nguyện thương yêu nhau trước; được cha mẹ đôi bên đồng ý, tổ chức lễ cưới và được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định, nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Qua chung sống anh chị có đầm ấm, hạnh phúc và trong thời gian gần đây anh chị phát sinh mâu thuẫn do tính tình không am hợp; bất đồng quan điểm và thường xuyên cự cải nhau; anh P không quan tâm đến

vợ con và hay cùng bạn bè nhậu nhẹt; Bà Trịnh Thị N là mẹ vợ anh P nhiều lần khuyên bảo các con cố gắng làm ăn lo xây dựng gia đình nhưng anh P không nghe lời. Theo anh P trình bày là còn thương yêu chị Bích T và không muốn xa con cái, nên không đồng ý ly hôn chị Bích T. Việc này Tòa án đã duy trì, tạo điều kiện tổ chức động viên hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng không thành. Thời gian dài sống ly thân đúng ra anh P phải tìm đến chị Bích T để giải bày và đề nghị bỏ qua mâu thuẫn; cố hàn gắn lại tình cảm vợ chồng; thường xuyên gần gũi chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh P không làm được điều đó mà còn thông qua mạng xã hội Facebook nhắn tin đe dọa, xúc phạm chị Bích T; từ đó mâu thuẫn giữa anh và chị càng trở nên trầm trọng. Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử tiếp tục động viên hòa giải đoàn tụ nhưng chị Bích T vẫn cương quyết xin ly hôn anh P. Qua thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm giữa chị Bích T và anh P không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần giải quyết cho chị Trần Ngọc Bích T được ly hôn đối với anh Hồ Hoàng P.

[4] Về con chung: Chị Trần Ngọc Bích T và anh Hồ Hoàng P trình bày có 02 con chung là cháu Hồ Hoàng L, sinh ngày 08/7/2014, giới tính: nam và Hồ Hoàng K, sinh ngày 20/10/2017, giới tính: nam. Hiện nay các cháu đang chung sống ổn định trong gia đình bà Trịnh Thị N, là bà ngoại của các cháu và là mẹ ruột của chị Bích T; kể từ khi các cháu được sinh ra cho đến khi anh P và chị Bích T xảy ra mâu thuẫn, sống ly thân nhau cho đến nay các cháu đều do chị Bích T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và tạo mọi điều kiện cho các cháu đi học; anh P không quan tâm và có một khoản cấp dưỡng nào để nuôi dưỡng con chung cùng chị Bích T. Xét về độ tuổi của cháu Hồ Hoàng L tính đến nay chưa đủ 07 tuổi trở lên, nên không thể xem xét nguyện vọng của cháu L khi quyết định giao cho cha là anh P hoặc cho mẹ là chị Bích T trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, việc anh P yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu L đến tuổi trưởng thành là không thể chấp nhận được. Đối với cháu Hồ Hoàng K tính đến nay cháu còn dưới 36 tháng tuổi; theo khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi..." . Xét về tình cảm thì chị Bích T và 02 cháu L, K được gần gũi và gắn bó hơn đối với anh P. Xét về vật chất, chỗ ở, nghề nghiệp và các khoản thu nhập thì chị Bích T có điều kiện và ổn định hơn anh P. Qua thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử cần giải quyết giao cả hai cháu L và K cho chị Bích T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; ghi nhận việc chị Bích T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Bích T và anh P trình bày không có tài sản chung, nợ chung và không tranh chấp, yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

[6] Về án phí: Chị Trần Ngọc Bích T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Ngọc Bích T được ly hôn đối với anh Hồ Hoàng P.

2. Về con chung:

- Giao cả 02 cháu Hồ Hoàng L, sinh ngày 08/7/2014, giới tính: nam và Hồ Hoàng K, sinh ngày 20/10/2017, giới tính: nam cho chị Trần Ngọc Bích T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận việc chị Trần Ngọc Bích T không yêu cầu anh Hồ Hoàng P cấp dưỡng nuôi con chung.

- Anh Hồ Hoàng P và các thành viên trong gia đình phải tôn trọng quyền được trực tiếp nuôi con chung là cháu Hồ Hoàng L và Hồ Hoàng K của chị Trần Ngọc Bích T.

- Chị Trần Ngọc Bích T và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Hồ Hoàng P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Hồ Hoàng L và cháu Hồ Hoàng K.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Bích T và anh P trình bày không có tài sản chung, nợ chung và không tranh chấp, yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Trần Ngọc Bích T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị Bích T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008926 ngày 26/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang, nên chị Bích T không phải nộp thêm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Viện KSND thành phố Hà Tiên;
- Chi cục THADS TP. Hà Tiên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Huỳnh Văn Vân